

Số: 8103/BYT-BH

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2023

*V/v báo cáo tổng kết thực
hiện Luật BHYT giai đoạn
2009-2023 và đề xuất nội
dung sửa đổi, bổ sung*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2021 của Chính phủ, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Luật bảo hiểm y tế sửa đổi để trình Chính phủ, Quốc hội.

Để có cơ sở xây dựng Luật bảo hiểm y tế sửa đổi, Bộ Y tế trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2009 - 2023; báo cáo tổng kết cần nêu rõ những kết quả đã đạt được, những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện và kiến nghị, đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Luật bảo hiểm y tế (*theo đề cương gửi kèm công văn này*).

Bộ Y tế trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo về Bộ Y tế (Vụ Bảo hiểm y tế) **trước ngày 28 tháng 12 năm 2023** và file mềm qua mail: hungpm.bh@moh.gov.vn để Bộ Y tế tổng hợp, báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, BH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Thuấn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN LUẬT BẢO HIỂM Y TẾ
(Ban hành kèm theo công văn số 8103/BYT-BH ngày 20/12/2023 của Bộ Y tế)

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương

- Có thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Luật BHYT không? (Số Quyết định, thành phần tham gia và tóm tắt các hoạt động của Ban chỉ đạo).

- Các văn bản chỉ đạo thực hiện Luật BHYT của địa phương (kế hoạch, chỉ thị, quyết định...).

- Nêu cụ thể những văn bản quy định, hướng dẫn về xác định đối tượng, lập danh sách, hỗ trợ mức đóng, hỗ trợ thực hiện cùng chi trả cho các nhóm đối tượng: người nghèo, cận nghèo, học sinh sinh viên.

2. Kết quả bao phủ bảo hiểm y tế

STT	Nhóm đối tượng	Năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023		
		Số đối tượng tham gia BHYT	Tổng số đối tượng	Tỷ lệ
1.	Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng			
1.1.	Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên; người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và người quản lý điều hành hợp tác xã hưởng tiền lương; cán bộ, công chức, viên chức			
1.2.	Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật			
2.	Nhóm do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng			
2.1.	Người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng			
2.2.	Người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định của Chính phủ.			
2.3.	Người lao động nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau do mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành.			

2.4.	Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng.			
2.5.	Người lao động trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.			
2.6.	Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.			
3.	Nhóm do ngân sách nhà nước đóng			
3.1.	Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước.			
3.2.	Người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước.			
3.3.	Người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.			
3.4.	Cựu chiến binh			
3.5.	Người tham gia kháng chiến và bảo vệ Tổ quốc			
3.6.	Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm			
3.7.	Trẻ em dưới 6 tuổi.			
3.8.	Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật về người cao tuổi, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội.			
3.9.	Người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo và một số đối tượng khác			
3.9.1.	Người thuộc hộ gia đình nghèo theo tiêu chí về thu nhập, người thuộc hộ nghèo đa chiều có thiếu hụt về bảo hiểm y tế quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn nghèo áp dụng cho từng giai đoạn;			
3.9.2.	Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;			

3.9.3.	Người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;			
3.9.4.	Người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.			
3.10.	Người được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú thuộc hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người hằng tháng thấp hơn mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.			
3.11.	Thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ			
3.12.	Thân nhân của người có công với cách mạng trừ các đối tượng quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.			
3.13.	Thân nhân của sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ quân đội đang tại ngũ, sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ và sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên môn, kỹ thuật đang công tác trong lực lượng công an nhân dân, học viên công an nhân dân, hạ sỹ quan, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, học viên cơ yếu được hưởng chế độ, chính sách theo chế độ, chính sách đối với học viên ở các trường quân đội, công an			
3.14.	Người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật về hiến ghép mô tạng			
3.15.	Người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam được cấp học bổng từ ngân sách của Nhà nước Việt Nam.			
3.16.	Người phục vụ người có công với cách mạng sống ở gia đình			
3.17.	Người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.			
4.	Nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng			
4.1.	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.			

4.2.	Người thuộc hộ gia đình nghèo đa chiều không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP			
4.3.	Học sinh, sinh viên.			
4.4.	Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.			
5.	Nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình			
5.1.	Người có tên trong sổ hộ khẩu, trừ những người thuộc đối tượng quy định tại các Điều 1, 2, 3, 4 và 6 Nghị định 146/2018/NĐ-CP			
5.2.	Người có tên trong sổ tạm trú, trừ đối tượng quy định tại các Điều 1, 2, 3, 4 và 6 Nghị định 146/2018/NĐ-CP và đối tượng đã tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 1 Điều này.			
5.3.	Các đối tượng sau đây được tham gia bảo hiểm y tế theo hình thức hộ gia đình:			
5.3.1.	Chức sắc, chức việc, nhà tu hành;			
5.3.2.	Người sinh sống trong cơ sở bảo trợ xã hội trừ đối tượng quy định tại các Điều 1, 2, 3, 4 và 6 Nghị định này mà không được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.			
6.	Nhóm do người sử dụng lao động đóng			
6.1.	Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng đang phục vụ trong Quân đội, bao gồm đối tượng theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 13 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP			
6.2.	Thân nhân của công nhân công an đang phục vụ trong Công an nhân dân bao gồm đối tượng theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 13 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP.			
6.3.	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu, bao gồm đối tượng theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 13 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP			
	Tổng			

3. Công tác tuyên truyền

- Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện; Kết quả tuyên truyền.

4. Đánh giá tình hình tổ chức thực hiện chính sách BHYT: những thuận lợi, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân

- Sự phối hợp giữa các sở/ban/ngành trong việc: xác định đối tượng, lập danh sách, cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng, đặc biệt là: trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người cận nghèo...

- Tổ chức khám, chữa bệnh BHYT: cơ sở KCB công lập/ngoài công lập, trạm y tế xã.

- Đăng ký KCB ban đầu và chuyển tuyến trên địa bàn.

- Thực hiện danh mục dịch vụ, danh mục thuốc, vật tư y tế, ký hợp đồng KCB, thanh toán chi phí KCB BHYT, giải quyết vướng mắc...

5. Công tác kiểm tra giám sát thực hiện Luật BHYT

- Đã tổ chức/tham gia bao nhiêu đợt kiểm tra về BHYT

- Kết quả kiểm tra: các vấn đề còn tồn tại, hạn chế, vi phạm (nếu có)

6. Những kiến nghị và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật BHYT

